



PHỤ LỤC 16: SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT HUYỆN QUỠ CHÂU
GIẢI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2020 ĐẾN NGÀY 31/12/2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 46 /2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

PHẦN A: SỬA ĐỔI

TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
I THỊ TRẤN TÂN LẠC								
1	Các đường còn lại	Khối 3	Trường Trung học cơ sở Hạnh Thiết	Ngã ba Bảo Tàng văn hóa các dân tộc huyện Quỳnh Châu (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	24	295, 319, 320, 334, 335, 147, 351	1.900.000	Điều chỉnh do sai tờ bản đồ
					24	296, 287, 264, 290, 298, 297, 299, 321, 322, 337, 336	1.000.000	
					20	119, 102, 101, 195, 82, 61, 6	900.000	
2	Các vị trí còn lại	Khối Hoa Hải I	Trường nội trú	Cuối Khối Hoa Hải 2 giáp bản Kê Ninh (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	20	62, 81, 118	500.000	Điều chỉnh do sai tờ bản đồ
					20	4, 5, 9	400.000	
					20	131, 132, 133, 134, 135	500.000	
3	Các vị trí còn lại	Khối Hoa Hải I	Ngã 4 trường nội trú	Nhà Ngọc Nhịn (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	20	130, 138, 137, 146, 151, 136, 135	400.000	
					20	120, 103	400.000	
					20			

TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
II XÃ DIỄN LÂM								
1	Vị trí còn lại	Bản Hóc	Từ Ngã ba Xóp Hóc	Vi Đức Tiến	29	14, 15, 23, 25, 26, 27, 33, 35, 36, 34	400.000	Sửa đổi do thay đổi tên bản
						17, 18, 22, 21, 28, 19, 31, 37, 38, 42	300.000	
						39, 41	140.000	
III XÃ CHÂU THUẬN								
1	Vị trí còn lại	Bản Bông	Huống Văn Chính	Vi Văn Thơm (vị trí số 1 cách lề đường 20m)	20	3	280.000	Bỏ thửa do bảng giá cũ có hai dòng

PHẦN A: BỎ SUNG

TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
I XÃ CHÂU THUẬN								
1	Các vị trí còn lại	Bản Thắm, Bản Mèn	Nhà Cộng đồng Bản Thắm 2	Lương Văn Thắm bản Mèn (vị trí số 1 cách lề đường 20m)	6	185	200.000	Sót thửa
2	Các vị trí còn lại	Bản Bông	Huống Văn Chính	Vị Văn Thơm (vị trí số 1 cách lề đường 20m)	20	19, 20	300.000	Tách thửa
3	Các vị trí còn lại	Bản Piu	Từ Hà Văn	Lu Văn Nghiêm (vị trí số 1 cách lề đường 20m)	30	44, 45	450.000	Tách thửa
II XÃ DIÊN LÂM								
1	Vị trí còn lại	Bản Hốc	Lữ Văn Duyên	Lữ Văn Dũng (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	25	26, 44, 46	400.000	Sót thửa
2	Vị trí còn lại	Bản Hốc				55	140.000	Sót thửa
3	Vị trí còn lại	Bản Hốc	Quang Văn Lãng	Trương Công Dự (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	31	3, 7	400.000	Sót thửa
4	Vị trí còn lại	Bản Hốc	Quang Thị Thất	Lữ Thị Thân (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	8	154	400.000	Sót thửa
5	Vị trí còn lại	Bản Hốc			8	149	300.000	Sót thửa
6	Vị trí còn lại	Bản Hốc	Quang Văn Thanh	Lữ Văn Dước (Vị trí 1 cách lề đường 20 m)	9	22, 16, 4, 19, 18, 20, 14	140.000	Sót thửa

TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
7	Vị trí còn lại	Bản Hóc	Quang Văn Thanh	Lữ Văn Dươc (Vị trí 1 cách lề đường 20 m)	9	13, 12, 9, 10	100.000	Sót thửa
8	Vị trí còn lại	Bản Hóc	Lương Thanh Toàn	Lương Văn Tuất (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	10	1, 2, 4, 5, 6, 15, 16, 17, 18, 23, 25, 26, 27, 28, 45	400.000	Sót thửa
9	Vị trí còn lại	Bản Hóc	Lương Thanh Toàn	Lương Văn Tuất (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	10	19, 20, 22	300.000	Sót thửa
10	Vị trí còn lại	Bản Hóc	Hà Văn Liên	Lang Văn Vị (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	13	12, 32, 31, 30, 29, 37, 38, 13, 25, 26	400.000	Sót thửa
11	Vị trí còn lại	Bản Chao	Vi Văn Xanh	Vi Văn Lý (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	14	1, 56, 69, 76	300.000	Sót thửa
12	Vị trí còn lại	Bản Chao				93, 94, 84	140.000	Sót thửa
13	Vị trí còn lại	Bản Chao	Quang Văn Hóa	Trương Công Dự (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	15	38, 72, 73, 75	300.000	Sót thửa
14	Vị trí còn lại	Bản Chao				76, 39	250.000	Sót thửa
15	Vị trí còn lại	Na Lạnh	Lê Văn Sinh	Lê Văn Thủy (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	17	31, 34, 33	80.000	Sót thửa
III	XÃ CHÂU HỘI							



TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
1	Quốc lộ 48 (Đường nhựa)	Lâm Hội	Từ Trạm xá Lâm Trưởng Quý Châu	Khu vực đầu cầu treo (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	104	7, 14, 15, 16, 78, 10, 11, 12, 13	850.000	Sót thửa
2	Quốc lộ 48 (Đường nhựa)	Lâm Hội	Từ Trạm xá Lâm Trưởng Quý Châu	Khu vực đầu cầu treo (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	103	64, 62	850.000	Sót thửa
3	Quốc lộ 48 (Đường nhựa)	Lâm Hội	Từ Trạm xá Lâm Trưởng Quý Châu	Khu vực đầu cầu treo (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	100	29	850.000	Sót thửa
4	Quốc lộ 48 (Đường nhựa)	Việt Hương	Bản Việt Hương giáp xã Châu Bình	Từ Trạm xá lâm trường (vị trí 1 cách lề đường 20m)	105	58, 57	750.000	Sót thửa
5	Quốc lộ 48 (Đường nhựa)	Việt Hương			108	50	750.000	Sót thửa
6	Vị trí còn lại	Bản Hội 1	Cầu treo	Từ Trạm xá lâm trường (vị trí 1 cách lề đường 20m)	87	31, 32, 33, 44	600.000	Sót thửa
7	Vị trí còn lại	Bản Hội 1			93	21, 24	600.000	Sót thửa
8	Vị trí còn lại	Bản Hội 1	Đoạn đường Ngã ba trạm lâm sản xã	Đến bản 8/3 cũ (giáp xã Châu Nga)	43	8	500.000	Sót thửa
9	Vị trí còn lại	Bản Hội 1	Đoạn đường Ngã ba trạm lâm sản xã	Đến bản 8/3 cũ (giáp xã Châu Nga)	43	14, 10, 4, 16	350.000	Sót thửa
10	Vị trí còn lại	Bản Hội 1	Đoạn đường Ngã ba trạm lâm sản xã	Đến bản 8/3 cũ (giáp xã Châu Nga)	39	243	200.000	Sót thửa
11	Vị trí còn lại	Bản Hội 1	Bản 8/3 cũ	Phạm Thị Lương	45	126, 76	500.000	Sót thửa

TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
12	Vị trí còn lại	Bản Hội 1	Bản 8/3 cũ	Phạm Thị Lương	45	124, 57, 15, 38	250.000	Sốt thừa
13	Vị trí còn lại	Bản Khúm	Lô Văn Thìn	Hà Văn Thiên	46	1, 2, 43, 44, 46	150.000	Sốt thừa
IV	THỊ TRẤN TÂN LẠC							
1	Tuyến QL 48	Khối 2	Nhà ông Cường Thủy	Nhà bà Thoa Bảy	23	1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18	5.000.000	Sốt thừa
2	Các vị trí còn lại	Khối 2	Quán ông Giang Hải	Nhà ông Hưng	24	14	2.500.000	Sốt thừa
3	Các vị trí còn lại	Khối 2	Quán ông Giang Hải	Nhà ông Hưng	24	51	2.200.000	Sốt thừa
4	Các vị trí còn lại	Khối 2	Quán ông Giang Hải	Nhà ông Hưng	24	53, 36, 37, 38, 39, 14	2.000.000	Sốt thừa
5	Các vị trí còn lại	Khối 2	Ngã ba khí trọng	Ngã ba nhà bà Hòa	24	4, 16, 15, 28, 29, 55, 30, 17	600.000	Sốt thừa
6	Các vị trí còn lại	Khối 3	Ngã tư nhà Huỳnh Sáng	Khu quy hoạch chia lô đất ở khối 2 (Vị trí 1)	25	56, 57, 41	500.000	Sốt thừa
7	Các vị trí còn lại	Khối 3	Ngã tư nhà Huỳnh Sáng	Khu quy hoạch chia lô đất ở khối 2 (Vị trí 1)	25	279, 280, 281, 282, 283	3.000.000	Sốt thừa
							2.600.000	Sốt thừa

TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
8	Các vị trí còn lại	Khối 3	Ngã tư nhà Hương Sảng	Khu quy hoạch chia lô đất ở khối 2 (Vị trí 1)	25	257	2.100.000	Sót thừa
9	Các vị trí còn lại	Khối 3	Ngã tư nhà Hương Sảng	Khu quy hoạch chia lô đất ở khối 2 (Vị trí 1)	25	256, 258	1.900.000	Sót thừa
V XÃ CHÂU HOÀN								
1	Vị trí còn lại	Mò Póm	Lô Văn Hà	Lữ Đức Tài (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	24	22	250.000	Sót thừa
2	Vị trí còn lại					15	80.000	Sót thừa
3	Vị trí còn lại	Na Cống	Lý Văn Dân	Lý Văn Tám (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	27	11,30	200.000	Sót thừa
4	Vị trí còn lại	Na Ba	Lô Văn Đào	Lý Minh Quân (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	30	53,54,29	350.000	Sót thừa
5	Vị trí còn lại	Na Ngóm, Nật Trên	Từ đầu Cầu Treo	Chào Cảnh Hoàn; Vi Văn Sáu (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	34	93,2	250.000	Sót thừa
6	Vị trí còn lại	Bản Mò Póm (CP)	Lữ Ngọc Bình	Lữ Bình Ngọc (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	5	123	250.000	Sót thừa
7	Vị trí còn lại					14	120.000	Sót thừa
8	Vị trí còn lại	Bản Ná Ba	Lý Văn Phương	Hà Văn Khắm (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	10	112	80.000	Sót thừa



TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
9	Vị trí còn lại	Bản Ná Xá	Hà Văn Chiến	Lộc Văn Hué (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	11	81,42	80.000	Sót thửa
VI	XÃ CHÂU PHONG							
1	Vị trí còn lại	Xóm Mới	Nguyễn Văn Sáu	Lưu Đức Thom (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	66	98, 84, 36	600.000	Sót thửa
2	Vị trí còn lại	Bản Tóng 2, Xóm mới	Cầu Xóm Mới	Vi Văn Liên (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	65	40	600.000	Sót thửa
3	Vị trí còn lại	Bản Tóng 2, Xóm mới				105	500.000	Sót thửa
4	Vị trí còn lại	Bản Tóng 2, Xóm mới				69, 118, 120, 104	450.000	Sót thửa
5	Vị trí còn lại	Bản Tóng 2, Xóm mới				26	300.000	Sót thửa
6	Vị trí còn lại	Bản Tóng 2, Xóm mới				44	150.000	Sót thửa
7	Vị trí còn lại	Bản Tầm 2	Lữ Văn Hòa	Lữ Văn Dục (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	44	17, 20	80.000	Sót thửa
8	Vị trí còn lại	Bản Tầm 1, Bản Tầm 2	Lữ Văn Nam	Lữ Văn Du (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	43	117, 100	160.000	Sót thửa
9	Vị trí còn lại					47	100.000	Sót thửa
10	Vị trí còn lại	Bản Toóng 2	Sân thể thao bản Toóng 2	Vi Văn Thắng (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	64	20, 104, 53, 31	80.000	Sót thửa
11	Vị trí còn lại					8	80.000	Sót thửa

TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
12	Vị trí còn lại	Xóm mới	Vị Thanh Đoàn	Ao lâm trường (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	61	21	600.000	Sót thừa
13	Vị trí còn lại	Bản Ban 1, Bản Ban 2, Tóong 1	Lương Xuân Nhân	Lương Văn Cương (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	70	30	300.000	Sót thừa
14	Vị trí còn lại		Lương Xuân Nhân		70	24, 99, 94	150.000	Sót thừa
15	Vị trí còn lại		Lương Xuân Nhân		70	62, 133, 79	100.000	Sót thừa
16	Vị trí còn lại	Bản May	Vị Văn Vương	Lê Văn Tý (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	40	2	80.000	Sót thừa
17	Vị trí còn lại	Bản Đôm 1	Lương Thị Thái	Lô Văn Dũng (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	53	40	150.000	Sót thừa
18	Vị trí còn lại	Piêng cẳm	Sầm Văn Ngoan	Quang Văn Nguyên (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	73	27, 81	200.000	Sót thừa
19	Vị trí còn lại				73	23	150.000	Sót thừa
20	Vị trí còn lại	Bản Đôm 1, Đôm 2	Lô Nam Vũ	Lương Văn Huyền (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	58	114	250.000	Sót thừa
21	Vị trí còn lại	Xốp Cam, Bản Tầm 1, Tầm 2	Lữ Văn Thuận	Trường tiểu học Châu Phong 2 (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	47	33	200.000	Sót thừa
22	Vị trí còn lại		Lữ Văn Thuận			17	150.000	Sót thừa
23	Vị trí còn lại		Lữ Văn Thuận			7	80.000	Sót thừa



TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú				
			Từ	Đến								
24	Vị trí còn lại	Bản Đôm 2	Bùi Văn Hà	Vi Văn Lý (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	57	67	200.000	Sót thửa				
25	Vị trí còn lại					34	150.000	Sót thửa				
26	Vị trí còn lại					32	80.000	Sót thửa				
27	Vị trí còn lại	Xốp Cam	Vi Văn Chanh	Lô Minh Hà (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	48	11,12	200.000	Sót thửa				
28	Vị trí còn lại					40	80.000	Sót thửa				
29	Vị trí còn lại	Bản Chiềng, Piềng Cầm	Lô Xuân Hùng	Trương Văn Bình (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	74	23	200.000	Sót thửa				
30	Vị trí còn lại					Xốp Cam, Bản Lìm	Quang Văn Cầm	Lô Văn Đường (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	49	66	200.000	Sót thửa
31	Vị trí còn lại									82,36	100.000	Sót thửa
32	Vị trí còn lại					31	80.000	Sót thửa				
VII XÃ CHÂU BÌNH												
1	Quốc lộ 48 (đường nhựa)	Bản Bình 2	Lang Thanh Hoài	Nguyễn Văn Tình (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	81	128, 129	1.000.000	Tách thửa				
2	Quốc lộ 48 (đường nhựa)	Bản Quỳnh 2	Hồ Hữu Văn	Hồ Cảnh Tuất (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	94	63, 64	400.000	Tách thửa				



TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
3	Quốc lộ 48 (đường nhựa)	Bản Quỳnh 1, bản 3/4	Hồ Hữu Phương	Hồ Đình Toán (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	90	190, 191 151, 152	650.000 400.000	Tách thửa Tách thửa
4	Các vị trí còn lại	Hòa Bình	Đinh Văn Tiến	Nguyễn Trọng Sáng (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	27	287, 288, 289, 286	500.000	Tách thửa
5	Quốc lộ 48 (đường nhựa)	Bản Bình 2, Kẻ Khoang	Kim Thị Tư	Trần Văn Thanh (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	82	168, 169	200.000	Tách thửa
6	Quốc lộ 48 (đường nhựa)	Bản Quỳnh 1, bản 3/4	Hồ Hữu Phương	Hồ Đình Toán (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	90	186, 187	300.000	Tách thửa
7	Quốc lộ 48 (đường nhựa)	Bản Lâu 1	Trần Thị Hương	Chu Đức Hải (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	66	156, 155	650.000	Tách thửa
8	Quốc lộ 48 (đường nhựa)	Bản Quỳnh 2, Bản 3/4	Mai Văn Sinh	Lê Thị Minh (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	92	151, 152, 149, 150	650.000	Tách thửa
9	Các vị trí còn lại	Bản Quỳnh 1	Lý Văn Sự	Lương Văn Đồng (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	43	205, 206, 207, 208, 209	600.000	Tách thửa

TT	Đường phố (Địa danh)	Khối (xóm)	Đoạn đường		Tờ bản đồ	Gồm các thửa	Mức giá (Đ/m ²)	Ghi chú
			Từ	Đến				
10	Các vị trí còn lại	Bán Bình 1	Vi Văn Dương	Lang Văn Điều (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	79	69, 70	350.000	Sốt thửa
11	Quốc lộ 48 (đường nhựa)	Bán Bình 3	Ngô Minh Khánh (bản Khoang)	Đỗ Văn Hiệp bán Bình 3 (Vị trí 1 cách lề đường 20m).	84	129, 130	650.000	Tách thửa
12	Quốc lộ 48 (đường nhựa)	Bán Bình 3	Vi Văn Ninh	Lang Thị Hương (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	85	28, 29	650.000	Tách thửa
13	Quốc lộ 48 (đường nhựa)	Bán Bình 2, Hòa Bình	Đinh Xuân Đồng	Lang Văn Ba (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	80	146, 147	750.000	Tách thửa
14	Quốc lộ 48 (đường nhựa)	Bán Lầu 2	Cánh Song Hùng	Hồ Sỹ Khuyến (Vị trí 1 cách lề đường 20m)	73	145, 146	650.000	Tách thửa